

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỬ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



മാരു



CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM MỚI ĐỀ TÀI: WEBSITE BẦN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

SVTH: Lâm Phước Bảo 16110016

Bùi Minh Huy 16110084

GVHD: ThS. Lê Vĩnh Thịnh

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2019





Mục lục

NỘI DUNG1
I. Giới thiệu1
1. Mục tiêu đề tài:
2. Mô tả trang web:
3. Chức năng cơ bản:1
4. Use Case Diagram
5. Bảng mô tả ý nghĩa3
II. Quá trình thực hiện30
1. Thiết kế giao diện30
2. Implement code
3. Thiết kế cơ sở dữ liệu42
4. Deployment và kiểm thử46
III. Mô tả phân công công việc47
IV. Kết luận48
1. Khó khăn48
2. Khắc phục
3. Ưu điểm
4. Khuyết điểm48
5. Hướng phát triển48
TÀI LIÊU THAM KHẢO

NỘI DUNG

I. Giới thiệu

1. Mục tiêu đề tài:

Hiện nay do sự phát triển của xã hội, nhu cầu về mặt tinh thần của con người ngày càng được nâng cao, nhu cầu mua sắm ngày càng nhiều, trong đó, điện thoại di động đã đang và sẽ được nhiều người sử dụng. Vì thế một trang thương mai điện tử chuyên cung cấp các dòng điện thoại di động và các thiết bị hỗ trợ liên quan là không thể thiếu

2. Mô tả trang web:

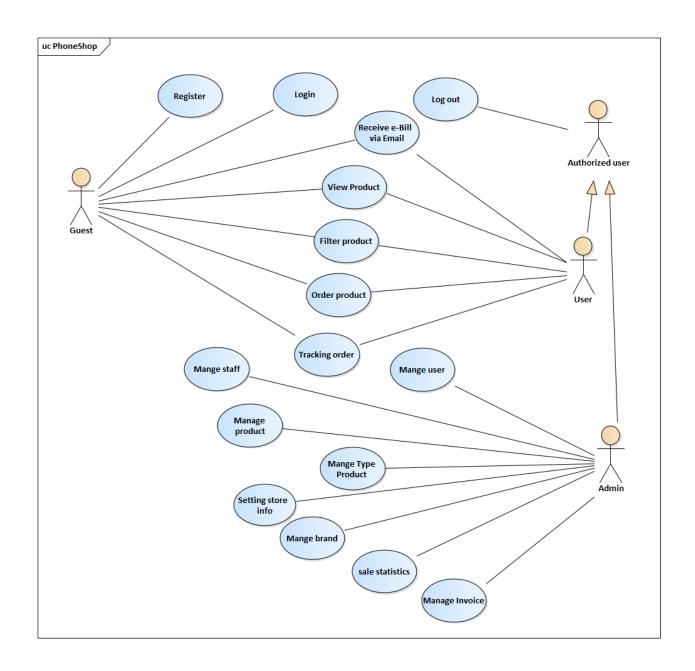
Trang web thương mai điện tử cung cấp một nơi mà ở đó người dùng có thể truy cập để tìm mua những dòng điện thoại di động đa dạng và các phụ kiện như tai nghe, thẻ nhớ và ốp lưng đi kèm. Cùng với đó trang web cung cấp một nơi quản lí ở admin site giúp cho chủ cửa hàng và nhân viên dễ dàng quản lí thông tin trên trang web mua hàng cũng như kiểm soát lượng mua bán của các sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận tối đa cho cửa hàng

3. Chức năng cơ bản:

<u>Phía khách hàng:</u> Có các chức năng tìm kiếm và xem điện thoại theo dòng và nhà sản xuất, theo giá và các filter khác, đặt hàng và kiểm tra thông tin hàng hóa

<u>Phía quản lí cửa hàng:</u> Có các chức năng quản lí cơ bản thêm, sửa, xóa và thay đổi các thông tin của thành phần cũng như sản phẩm trong trang web bán hàng

4. Use Case Diagram



5. Bảng mô tả ý nghĩa

Actor:

TT	Tên Actor	Ý nghĩa
1	Admin	Actor có quyền hạn thao tác các chức năng thêm, sửa, xóa và thay đổi thông tin các bảng ở database
2	Authorized user	Actor đại diện cho user đã được xác thực (được cấp token)
3	User	Đây là actor khách hàng khi đi thực hiện đăng nhập thành công và thao tác ở trang mua bán hàng
4	Guest	Actor thể hiện cho các khách vãng lai truy cập vào trang web xem thông tin hoặc mua hàng không cần đăng nhập

Use case:

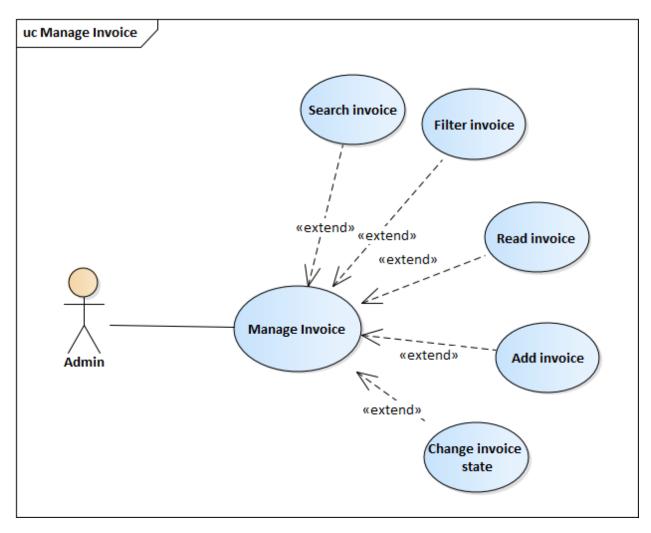
TT	Tên use case Use case ID		
1	Chức	năng quản lí hóa đơn	UC01
	1.1	Add invoice	
	1.2	Change invoice state	
	1.3	Read invoice	
	1.4	Filter invoice	
	1.5	Search invoice	
2	Chức	năng quản lí user	UC02
	2.1	Manage user	
	2.2	Search user	
	2.3	Create user	
	2.4	Read user	
	2.5	Update user	
	2.6	Delete user	
3	Quản lí sản phẩm		UC03
	3.1	Manage product	
	3.2	Search product	
	3.3	Create product	

	3.4	Read product	
	3.5	Update product	
	3.6	Delete product	
4	Quản	lí loại sản phẩm	UC04
	4.1	Manage type product	
	4.2	Search type product	
	4.3	Create type product	
	4.4	Read type product	
	4.5	Update type product	
	4.6	Delete type product	
5	Quản lí nhân viên UC05		UC05
	5.1	Manage staff	
	5.2	Filter staff	
	5.3	Create staff	
	5.4	Read staff	
	5.5	Update staff	
	5.6	Delete staff	
6	Quản	lí thông tin của cửa hàng	UC06

	5.1	Manage store info	
	5.2	Update store info	
	5.3	Create store info	
	5.4	Read store info	
7	Quản	lí nhãn hiệu sản phẩm	UC07
	4.1	Manage brand	
	4.2	Search brand	
	4.3	Create brand	
	4.4	Read brand	
	4.5	Update brand	
	4.6	Delete brand	
8	B Log out		UC08
9	Login		UC09
10	Registe	er	UC10
11	Order	product	UC11
12	View p	product	UC12
13	Filter p	prodeut	UC13
14	Receive e-Bill via Email UC14		UC14

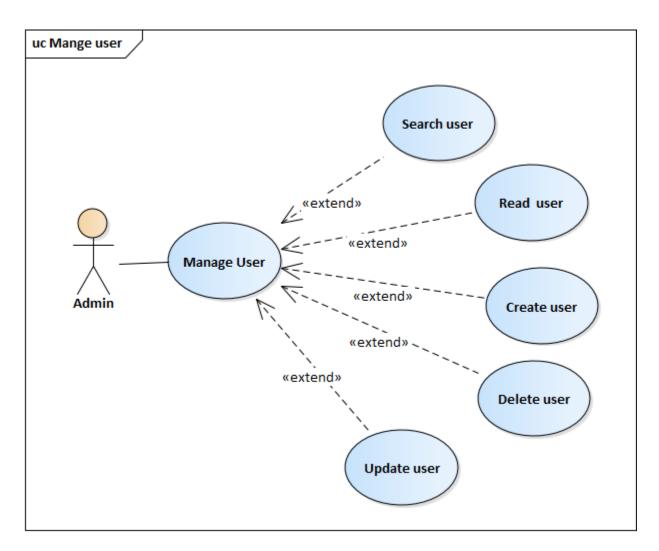
15	Tracking order	UC15
16	sale statistics	UC16

Use Case Description:



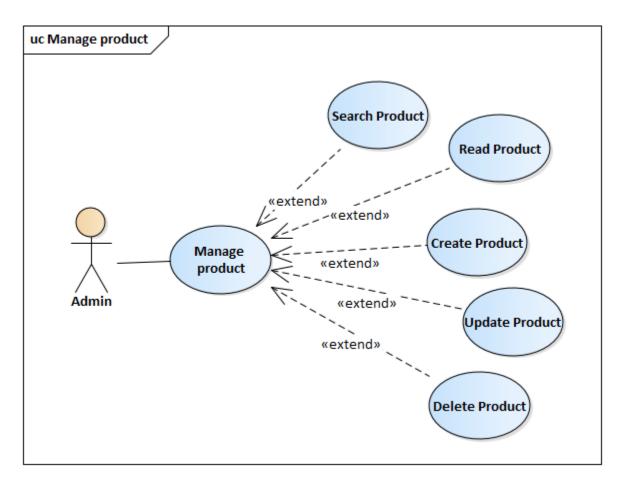
Use Case ID	UC01
Name	Manage Invoice
Goal	Quản lí đơn hàng
Actors	Admin
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần mềm với vai trò admin
Post- conditions	

Main Flow	 Bấm vào nút quản lí Invoice. Chọn chức năng cần thực hiện. 	 Hiển thị danh sách Invoice cùng các nút chức năng thêm, thay đổi state, search và xem chi tiết.
		4. Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng.
Exception	3A: Nếu thêm Invoice mà thiếu thông tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	
Open Issues	N/A	



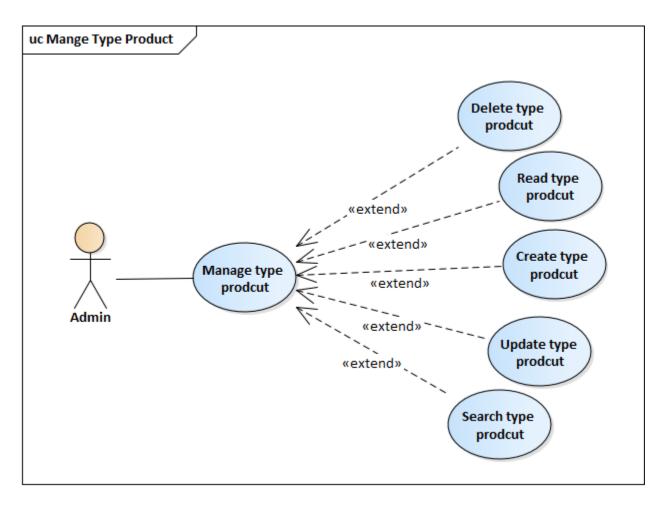
Use Case ID	UC02
Name	Manage User
Goal	Quản lí thông tin khách hàng
Actors	Admin
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần mềm với vai trò admin
Post- conditions	

Main Flow	1. Bấm vào nút quản lí User.	
	3. Chọn chức năng cần thực hiện.	2. Hiển thị danh sách User cùng các nút chức năng thêm, sửa, xóa, xem và tìm kiếm
		4. Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng.
Exception	3A: Nếu thêm user mà thiếu thông tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	
Open Issues	N/A	



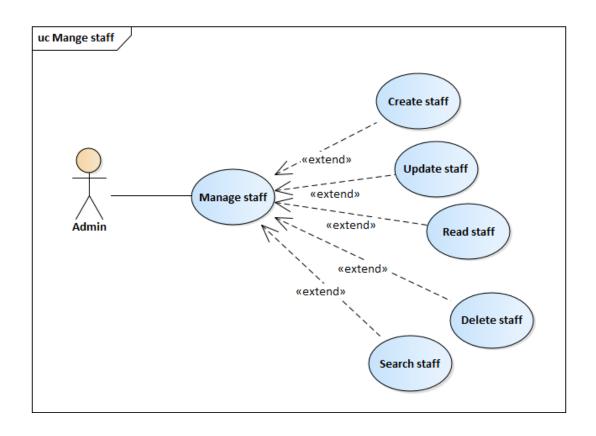
Use Case ID	UC03
Name	Manage product
Goal	Quản lí các thao tác thực hiện liên quan tới sản phẩm
Actors	Admin
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần mềm với vai trò admin
Post-	
conditions	

Main Flow	 Bấm vào nút quản lí Product. Chọn chức năng cần thực hiện. 	 Hiển thị danh sách sản phẩm cùng các nút chức năng thêm, xoá, sửa.
		4. Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng.
Exception	3A: Nếu thêm product mà thiếu thông tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu nhập lại.	
Open Issues	N/A	

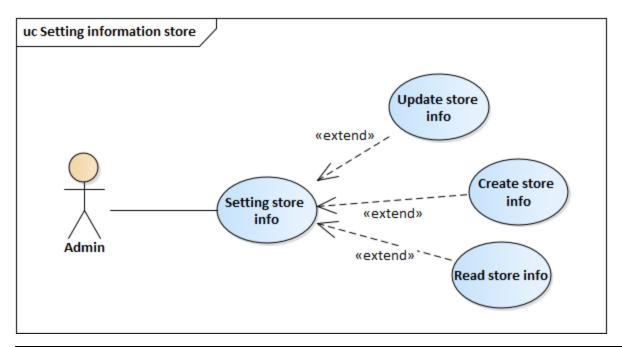


Use Case ID	UC04
Name	Manage type product
Goal	Quản lí các thao tác thực hiện liên quan tới loại sản phẩm
Actors	Admin
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần mềm với vai trò admin
Post-	
conditions	

Main Flow	 Bấm vào nút quản lí Product. Chọn chức năng cần thực hiện. 	 Hiển thị danh sách loại sản phẩm cùng các nút chức năng thêm, xoá, sửa, tìm kiếm Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng.
Exception	3A: Nếu thêm type product mà th yêu cầu nhập lại.	niếu thông tin cần thiết, báo lỗi và
Open Issues	N/A	

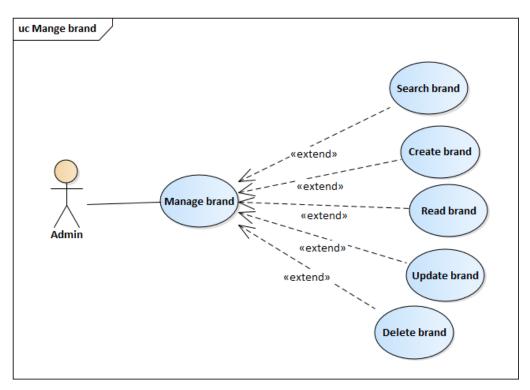


Use Case ID	UC05		
Name	Manage staff		
Goal	Quản lí nhân viên cửa hàng		
Actors	Admin		
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần i	mềm với vai trò admin	
Post- conditions			
Main Flow	1. Bấm vào nút quản lí Staff.		
	3. Chọn chức năng cần thực hiện.	 Hiển thị danh sách nhân viên cùng các nút chức năng năng thêm, xoá, sửa, tìm kiếm Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng. 	
Exception	3A: Nếu thêm nhân viên mà thiếu cầu nhập lại.	thông tin cần thiết, báo lỗi và yêu	
Open Issues	N/A		



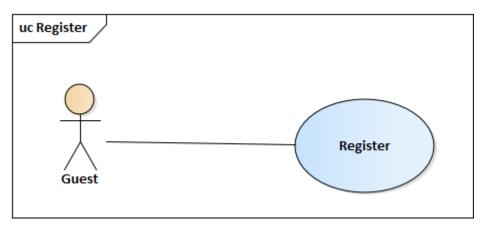
Use Case ID	UC06		
Name	Setting store info		
Goal	Thiết lập thông tin cửa hàng		
Actors	Admin		
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần mềm với vai trò admin		
Post- conditions			
Main Flow	1. Bấm vào nút quản lí Store Info.		
	3. Chọn chức năng cần thực hiện.	 Hiển thị thông tin cửa hàng cùng các nút chức năng thêm (nếu chưa có thông tin), sửa và xem chi tiết. Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng. 	

Exception	3A: Nếu thêm thông tin mà thiếu thông tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu nhập lại.
Open Issues	N/A



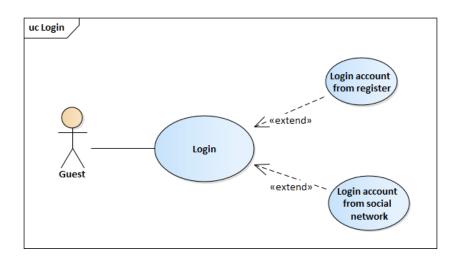
Use Case ID	UC07
Name	Manage brand
Goal	Quản lí nhãn hiệu của sản phẩm
Actors	Admin
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần mềm với vai trò admin

Post- conditions		
Main Flow	1. Bấm vào nút quản lí Brand.	
		2. Hiển thị danh sách nhãn hiệu
		cùng các nút chức năng thêm, xóa, sửa và tìm kiếm
	3. Chọn chức năng cần thực hiện.	
		4. Hiển thị danh sách cập nhật sau
		khi thực hiện chức năng.
Exception	3A: Nếu thêm brand mà thiếu thôn	ng tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu
	nhập lại.	
Open Issues	N/A	



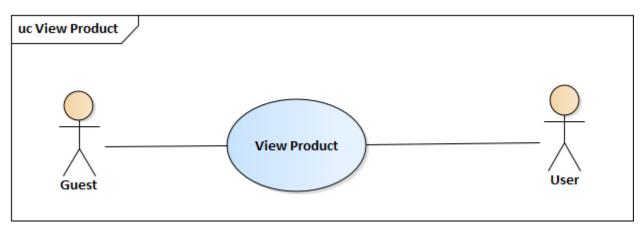
Use Case ID	UC08
Name	Register
Goal	Đăng kí thông tin khách hàng

Actors	Guest	
Pre-conditions	N/A	
Post- conditions	N/A	
Main Flow	3. Người dùng điền vào form đăng kí đầy đủ và nhấn submit	 Hiển thị form đăng kí Sau khi đăng kí thành công người dùng được chuyển đến trang login
Exception	3A: Nếu đăng kí thông thiếu thông nhập lại.	g tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu
Open Issues	N/A	



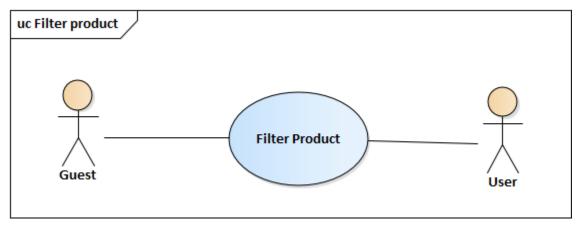
Use Case ID	UC09		
Name	Login		
Goal	Đăng nhập vào trang web (có thể đăng nhập bằng tải khoản trang web hoặc tài khoản mạng xã hội khác)		
Actors	Guest		
Pre-conditions	N/A	N/A	
Post- conditions	N/A		
Main Flow	Bấm vào nút Login. 3. Chọn chức năng cần thực hiện.	2. Hiển thị ô username và password. Ngoài ra còn có nút đăng nhập bằng facebook và google	

		rời d		thành yển vào	
Exception	N/A				
Open Issues	N/A				



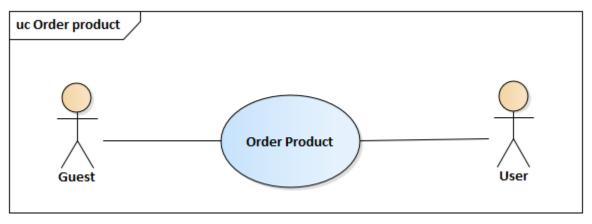
Use Case ID	UC10
Name	View Product
Goal	Xem sản phẩm ở trang bán hàng
Actors	Guest, User
Pre-conditions	N/A
Post- conditions	N/A

Main Flow		2. Danh sách sản phẩm của cửa hàng
Exception	N/A	
Open Issues	N/A	



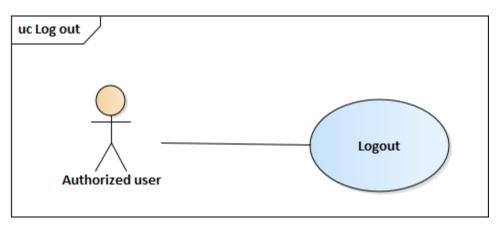
Use Case ID	UC11
Name	Filter Product
Goal	Lọc sản phẩm cần xem theo loại và nhãn hiệu
Actors	Guest, user
Pre-conditions	N/A
Post- conditions	N/A

Main Flow	 Bấm vào nút quản lí Invoice. Chọn chức năng cần thực hiện. 	 Hiển thị danh sách Invoice cùng các nút chức năng thêm, thay đổi state, search và xem chi tiết.
		4. Hiển thị danh sách cập nhật sau khi thực hiện chức năng.
Exception	3A: Nếu thêm Invoice mà thiếu thố nhập lại.	ồng tin cần thiết, báo lỗi và yêu cầu
Open Issues	N/A	



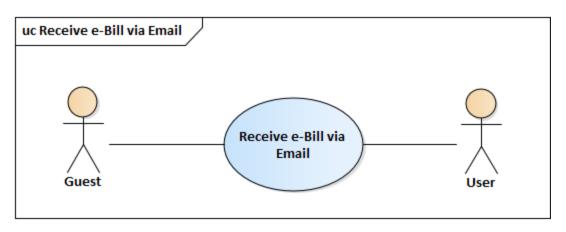
Use Case ID	UC12
Name	Order Product
Goal	Đặt hàng online
Actors	Guest, user
Pre-conditions	N/A

Post- conditions	N/A	
Main Flow		2. Truy cập vào biểu tượng "Cart" để kiểm tra đơn hàng và tiếp tục nhấn "PROCEED TO CHECKOUT"
	3. Điền thông tin cần thiết để nhận hàng, chọn chế độ thanh toán	4. Nhấn vào đặt hàng
Exception	N/A	
Open Issues	N/A	

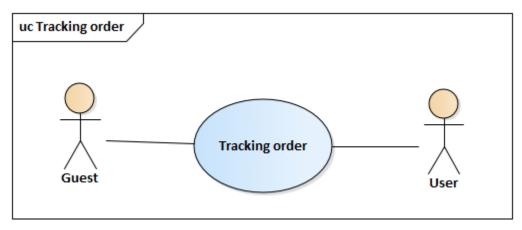


Use Case ID	UC13
Name	Logout
Goal	Đăng xuất

Actors	Authorized user	
Pre-conditions	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống web	
Post- conditions	N/A	
Main Flow		2. Người dùng sẽ được đăng xuất và quay trở về trang chủ
Exception	N/A	
Open Issues	N/A	

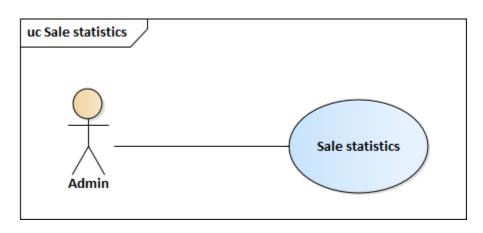


Use Case ID	UC14	
Name	Receive e-Bill via Email	
Goal	Nhận hóa đơn điện tử thông qua E	mail
Actors	Guest, User	
Pre-conditions		
Post- conditions	N/A	
Main Flow	1. Sau khi hoàn tất Order, người	
	dùng bấm vào nút Place Order	
		2. Thông báo Order thành công và
	2. Thông đào Order thành công và hóa đơn được gửi vào địa chỉ gmail	
		mà người dùng cung cấp
Exception	2A: Nếu gmail cung cấp sai thì gmail sẽ không được gửi tới khách	
	hàng	
Open Issues	N/A	



Use Case ID	UC15	
Name	Tracking order	
Goal	Theo dõi hóa đơn	
Actors	Guest, User	
Pre-conditions		
Post- conditions	N/A	
Main Flow		2. Khách hàng nhấn vào nút tracking ở email để chuyển đến trang theo dõi tình trạng hóa đơn, hoặc sử dụng mã hóa đơn và vào trang tracking order của trang web

Exception	N/A
Open Issues	N/A



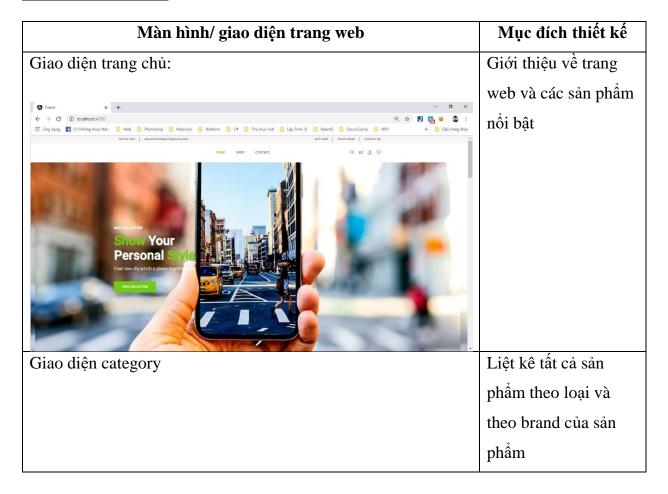
Use Case ID	UC16	
Name	Sale statistics	
Goal	Thống kê sản phẩm bán được trong	g thời gian
Actors	Admin	
Pre-conditions	Người dùng phải đăng nhập phần r	nềm với vai trò admin
Post- conditions		
Main Flow		2. Hiển thị biểu đồ thống kê sản phẩm

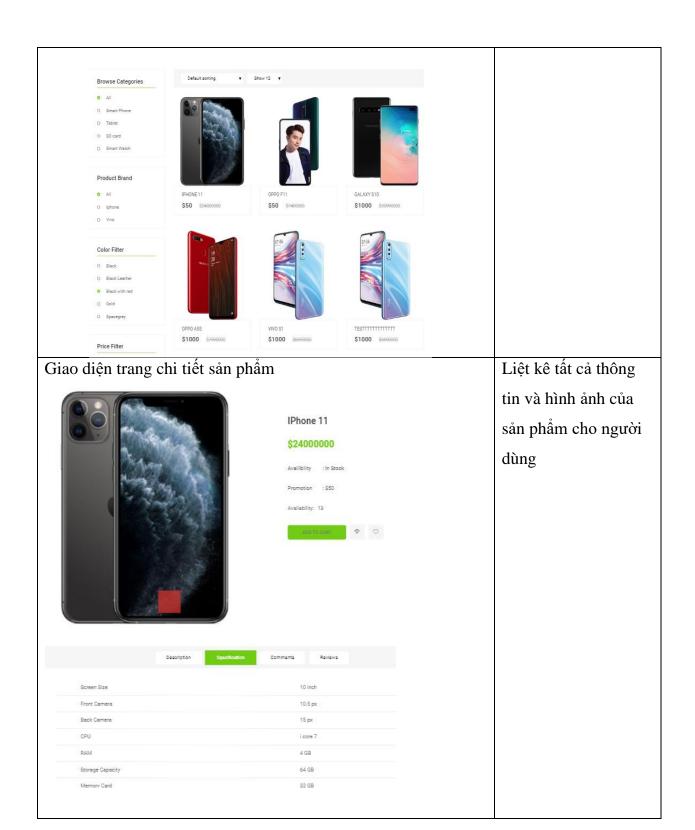
Exception	N/A	
Open Issues	N/A	

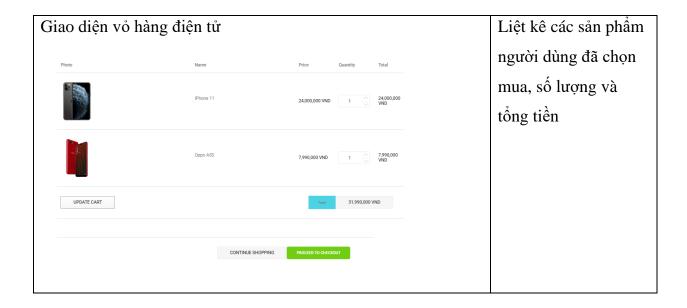
II. Quá trình thực hiện

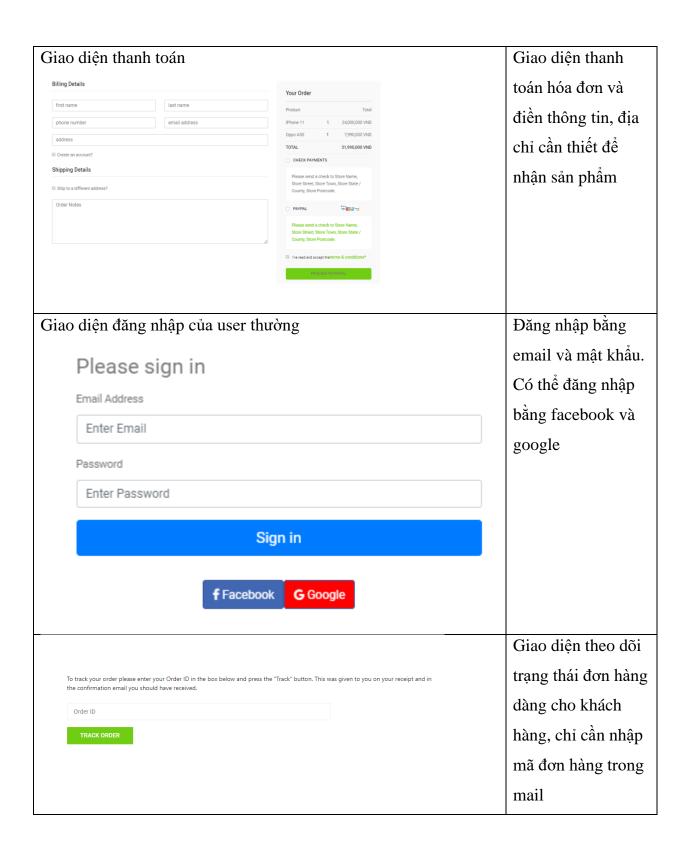
1. Thiết kế giao diện

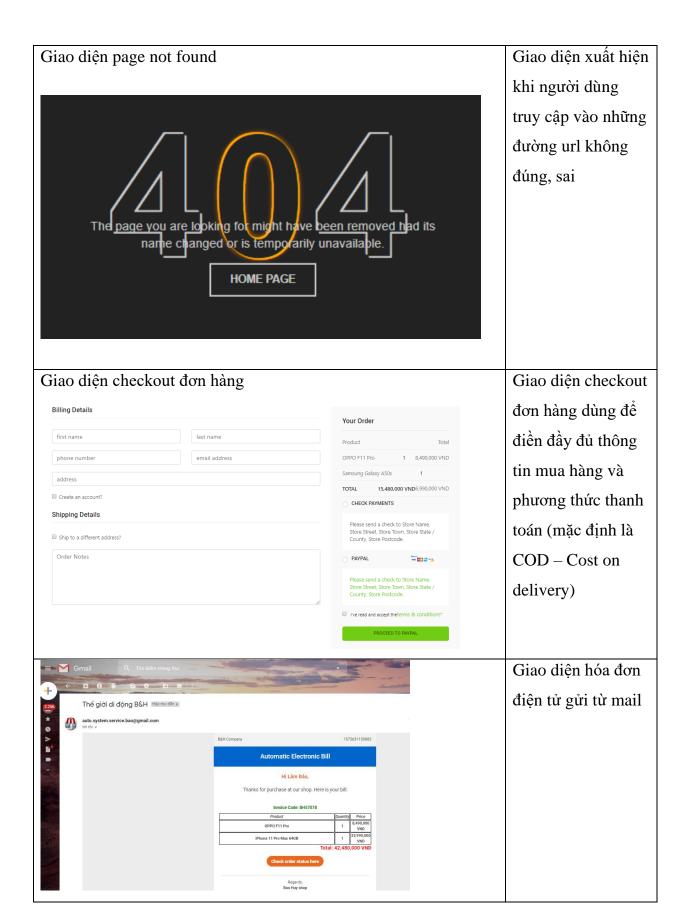
a. Phía người dùng:





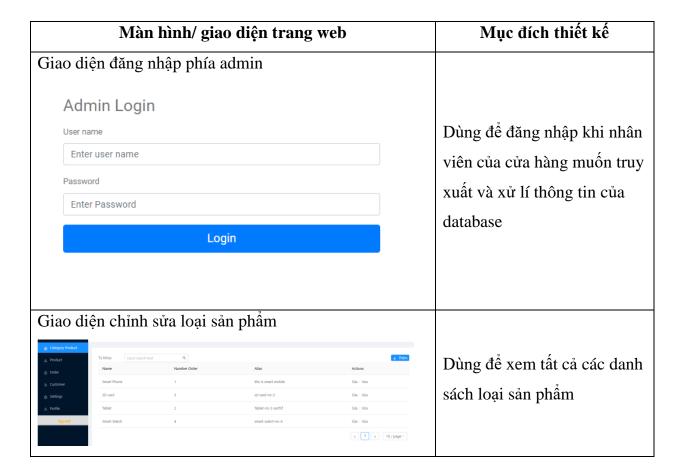


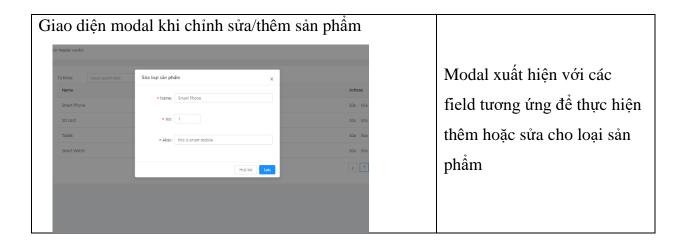


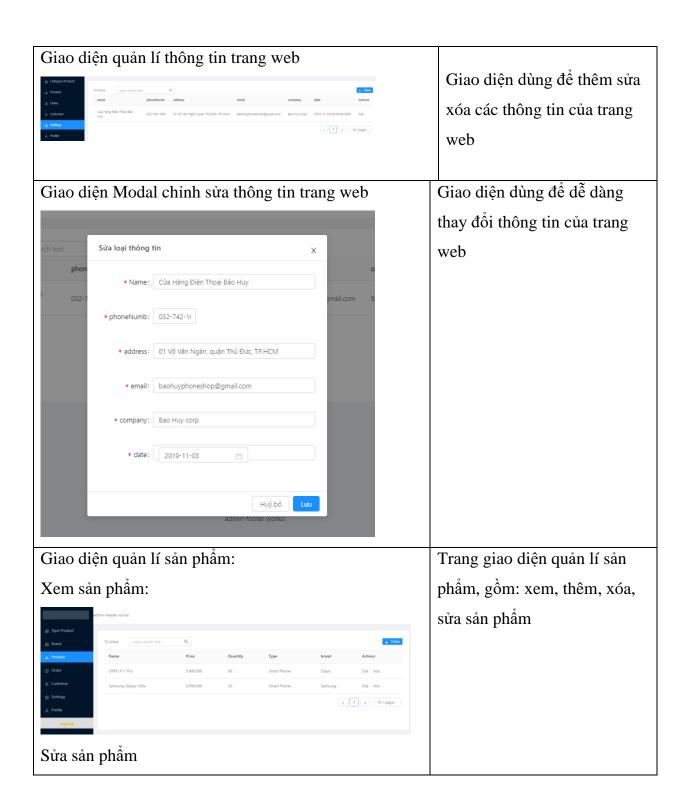


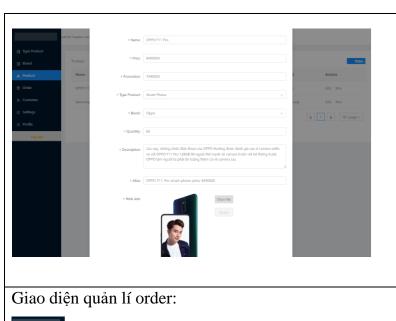


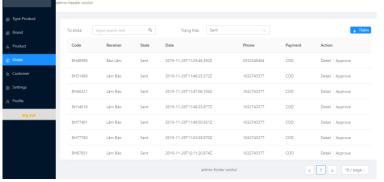
b. Phía quản lí admin:





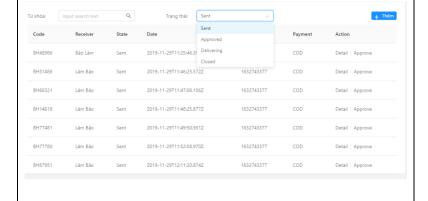




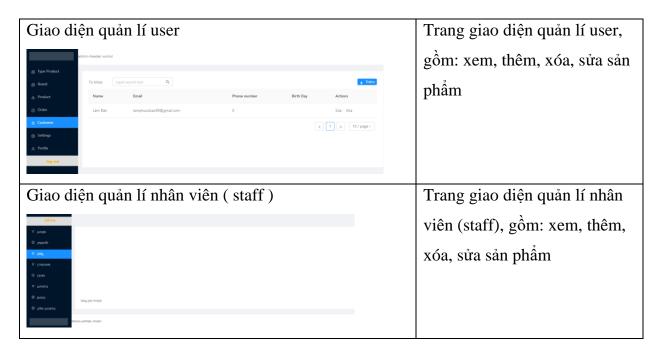


Trang giao diện quản lí đơn hàng, có chức năng duyệt đơn hàng, chuyển trạng thái (bao gồm: và xem đơn đàng

Các trạng thái đơn hàng







2. Implement code

Sau đây là một vài đoạn code xử lí tiêu biểu

Code xử lí upload ảnh

```
var multer = require('multer');
var fs = require('fs');
// upload section
const storage = multer.diskStorage({
   destination: function (req, file, cb) {
       var dir = 'assets';
        if (!fs.existsSync(dir)){
            fs.mkdirSync(dir);
        cb(null, dir);
    filename: function (req, file, cb) {
        // cb(null, new Date().toISOString() + file.originalname);
        const dotIndex = file.originalname.lastIndexOf('.');
        const fileExtension = file.originalname.substring(dotIndex + 1);
        cb(null, `${Date.now()}.${fileExtension}`)
const upload = multer({
    storage: storage,
    limits: {
        fileSize: 1024 * 1024 * 5
module.exports={upload}
```

Code xử lí xác thực, phân quyền

Code xử lí thêm đơn hàng

```
Invoices.post('/create', async (req, res) => {
   //create new instance
  var inv = new Invoice();
  inv.code = await generateCode();
  inv.receiver = req.body.receiver;
  inv.address = req.body.address;
  inv.email= req.body.email;
  inv.note = req.body.note;
  inv.phoneNumber = req.body.phoneNumber;
  inv.products = req.body.products;
  inv.typeOfPayment = req.body.typeOfPayment;
  inv.save( async (err) => {
      if (err) {
          return res.send(err);
       inv.products.forEach(proOrdered => {
          Product.findById({ _id: proOrdered.product._id }, function (err, pro) {
              pro.quantity = pro.quantity - proOrdered.quantity;
              Product.findByIdAndUpdate({ _id: pro._id }, pro, err => {
       await mailService.option(inv.products,inv.email, inv.code, inv.receiver, Date.now());
      res.json({ message: 'Invoice created' });
```

3. Thiết kế cơ sở dữ liệu

Công nghệ sử dụng: MongoDB

<u>Vị trí host:</u> https://www.mongodb.com

Bao gồm <u>7 collections</u> và được trình bày cụ thể sau đây:

STT		Tên Bảng/ Tên Trường	Mục đích	
1		Invoice	Lưu thông tin hóa đơn, gồm:	
	1.1	receiver	Tên người nhận	
	1.2	address	Địa chỉ người nhận	
	1.3	note	Ghi chú	
	1.4	phoneNubmer	Số điện thoại người nhận.	
	1.5	products	Danh sách sản phẩm	
	1.6	state	Trạng thái của bill	
	1.7	typeOfPayment	Loại thanh toán	
	1.8	dateOrdered	Ngày mua hàng	
	1.9	code	Mã đơn hàng	
2		Product	Lưu thông tin sản phẩm, gồm:	
	2.1	name	Tên sản phẩm.	
	2.2	price	Gía sản phẩm.	
	2.3	promotion	Gía khi có chương trình giảm giá.	

	2.4	phoneInfo	Thông tin của sản phẩm nếu là điện thoại.
2.5 typeProduct_id Mã loại sản phẩm. 2.6 quantity Số tháng bảo hành 2.7 description Mô tả về sản phẩm		typeProduct_id	Mã loại sản phẩm.
		Số tháng bảo hành	
		Mô tả về sản phẩm	
	2.8	alias	Tên viết không dấu của sản phẩm. Ví dụ: dien-thoai-nokia
3		PhoneInfo	Lưu thông tin sản phẩm nếu là điện thoại, gồm:
	3.1	frontCam	Thông số camera trước.
	3.2	backCam	Thông số camera sau.
	3.3	cpu	CPU của điện thoại.
	3.4	ram	Ram sản phẩm.
	3.5	storageCapacity	Bộ nhớ của thiết bị.
	3.6	memoryCard	Hỗ trợ thẻ nhớ tối đa bao nhiêu
	3.7	sim	Loại sim hỗ trợ
	3.8	os	Hệ đều hành
4		Staff	Lưu thông tin cho việc thực hiện giao hàng, gồm:
	4.1	name	Tên của nhân viên

	4.2	username	Tên đăng nhập	
	4.3	password	Mật khẩu. Quyền nhân viên Email Ảnh đại diện Ngày sinh của nhân viên Giới tính của nhân viên.	
	4.4	role		
	4.5	email		
	4.6	avatar		
	4.7	dateOfBirth		
	4.8	gender		
5		StoreInfo	Thông tin của hàng	
	5.1	phoneNumb	Số điện thoại cửa hàng	
	5.2	Address	Địa chỉ cửa hàng	
	5.3	Email	Email của cửa hàng Tên cửa hàng Ngày tháng năm của cửa hàng	
	5.4	Name		
	5.5	Data		
5.6 Company Tên công ty đại di		Company	Tên công ty đại diện	
6		typeProduct	Thông tin loại sản phẩm	
	6.1	Name	Tên loại sản phẩm	
	6.2	No	Chỉ số để sắp xếp loại sản phẩm trên menu	

	6.3	Alias	Tên viết không dấu của loại sản phẩm. Ví dụ: dien-thoai-nokia	
	6.4	Products	Danh sách ID các sản phẩm thuộc loại sản phẩm này	
7		User	Thông tin khách hàng đăng kí trên website	
	7.1 First_name Tên khách hàng		Tên khách hàng	
	7.2	Last_name	Họ khách hàng	
	7.3	Email		
	7.4	Password		
	7.5			
	7.6			
	7.7	Gender	Giới tính khách hàng	
	7.8 Birthday Sinh nhật khách hàng		Sinh nhật khách hàng	
	7.9	Date	Ngày tạo thông tin khách hàng	
8		Brand	Thông tin nhãn hiệu của sản phẩm	
	8.1	Name	Tên nhãn hiệu	
	8.2	No	Chỉ số sắp xếp của nhãn hiệu trên menu	

8.3	Alias	Tên viết không dấu của nhãn hiệu. Ví dụ: samsung-no-4
8.4	products	Danh sách mã các sản phẩm thuộc nhãn hiệu

4. Deployment và kiểm thử

a. Deployment:

Địa chỉ host Angualr (frontend): https://tomhuy.github.io/test-phone-ec/

Địa chỉ host NodeJS (backend): https://phone-shop-server-huybao.herokuapp.com/

Cơ sở dữ liệu được host ở: https://cloud.mongodb.com/

b. Kiểm thử:

Một vài Test case kiểm thử phần mềm:

Kiểm thử tốc độ load trang

Trang sử dụng để test: https://developers.google.com/speed/pagespeed/insights/

Kết quả:

▲ Hình ảnh có nội dung đầu tiên	8,7 giây	▲ Hình ảnh có ý nghĩa đầu tiên	8,7 giây
▲ Chỉ số tốc độ	8,7 giây	▲ CPU nhàn rỗi đầu tiên	8,7 giây
▲ Thời điểm tương tác	19,1 giây	Thời gian phản hồi lần tương tác đầu tiên tối đa có thể	800 mili giây

III. Mô tả phân công công việc

Tên sinh viên	Đánh giá	Khái quát công việc
Bùi Minh Huy	50% công việc	Thiết kế dữ liệu database, xử lí và thiết kế frontend, deploy Angular (frontend)
Lâm Phước Bảo	50% công việc	Thiết kế dữ liệu database, tạo các api tương ứng trong model ở backend, xây dựng chức năng backend – NodeJS, deploy NodeJS (backend)

IV. Kết luận

1. Khó khăn

Do là project đầu tiên viết bằng MEAN stack nên việc sử dụng và xử lí giữa Angular và NodeJS khó khăn

2. Khắc phục

- Đọc tài liệu chính thống của angular
- Tìm hiểu các hướng dẫn thông qua youtube
- Hỏi những người có kinh nghiệm hơn

3. Ưu điểm

- Trang web phần quản lí tốt
- Đơn giản: sử dụng dễ dàng không cần hướng dẫn
- Có truy suất tình trạng đơn hàng để tiện cho khách hàng theo dõi, hệ thống gửi mail

4. Khuyết điểm

- Tốc độ load trang web chậm
- Giao diện đăng kí vẫn còn đơn giản
- Một vài lỗi load script ở trang chủ

5. Hướng phát triển

- Về sau trang web có thể phát triển hơn về mặt kết nối api với các dịch vụ thanh toán cầu như: mastercard, visa, paypal, momo
- Cải thiện lại giao diện người dùng
- Tăng thêm tính bảo mật cho ứng dụng web

TÀI LIỆU KHAM KHẢO

[1] How Node Js Middleware Works?

 $Selvaganesh - \underline{https://medium.com/@selvaganesh93/how-node-js-middleware-works-\\ \underline{d8e02a936113}, 15/11/2019$

- [2] Angular https://angular.io/docs, 14/11/2019
- [3] A Guide For Adding Jwt Token-based Authentication To Your Single Page Node.js Applications

Naren Yellavula - https://medium.com/dev-bits/a-guide-for-adding-jwt-token-based-authentication-to-your-single-page-nodejs-applications-c403f7cf04f4, 10/11/2019

[4] Ant Design Of Angularstar https://ng.ant.design, 09/11/2019

[5] Mongoose v5.7.11: Queries

https://mongoosejs.com/docs/queries.html, 10/11/2019